

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ III NĂM 2016

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 3 năm 2016 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 3 năm 2016 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý III năm 2016 (1)	Quý III năm 2015 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng (nước)	243,343,186,903	212,898,626,522	30,444,560,381	114.30%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,415,671,391	5,335,025,372	(919,353,981)	82.77%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	247,758,858,294	218,233,651,894	29,525,206,400	113.53%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 3 năm 2016 tăng so với quý 3 năm 2015 là 29.525.206.400 đồng, tỷ lệ tăng 113.53% do:

Doanh thu nước quý 3 năm 2016 tăng so với quý 3/2015 là 30.444.560.381 đồng, tỷ lệ tăng 114.3% do

Sản lượng nước cung cấp quý 3 năm 2016 tăng so với quý 3 năm 2015 là 2.964.295 m³, tỷ lệ tăng 112.66% làm cho doanh thu tăng 27.066.977.645 đồng,

Giá bán bình quân quý 3 năm 2016 tăng so với quý 3 năm 2015 là 87 đồng/m³, tỷ lệ tăng 100.96% làm cho doanh thu tăng 2.037.238.371 đồng

Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 3 năm 2016 giảm so với quý 3 năm 2015 là 919.353.981 đồng, tỷ lệ giảm 17%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý III năm 2016 (1)	Quý III năm 2015 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	223,626,633,525	188,878,541,976	34,748,091,549	118.40%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	4,796,720,745	3,863,442,379	933,278,366	124.16%
Cộng	228,423,354,270	192,741,984,355	35,681,369,915	118.51%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu (A)	Quý III năm 2016 (1)	Quý III năm 2015 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	192,348,962,797	171,384,734,376	20,964,228,421	112.23%
Chi phí nguyên vật liệu khác	810,882,880	1,684,244,875	(873,361,995)	48.15%
Chi phí nhân công	14,200,246,189	13,628,901,415	571,344,774	104.19%
Chi phí khấu hao tài sản	10,318,061,731	8,930,890,622	1,387,171,109	115.53%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	2,370,652,401	1,214,425,568	1,156,226,833	195.21%
Chi phí gấn và thay đồng hồ nước	-	-11,665,497,763	11,665,497,763	0.00%
Chi phí chống thất thoát nước	748,245,282	460,939,551	287,305,731	162.33%
Chi phí cải tạo ống mục	2,229,736,818	2,679,603,444	(449,866,626)	83.21%
Chi phí sửa bể	373,765,520	87,808,352	285,957,168	425.66%
Chi phí khác	226,079,907	472,491,536	(246,411,629)	47.85%
Tổng chi phí sản xuất	223,626,633,525	188,878,541,976	34,748,091,549	118.40%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
Giá vốn đã cung cấp	223,626,633,525	188,878,541,976	34,748,091,549	118.40%

b. Thuyết minh

Giá vốn cung cấp nước trong quý 3 năm 2016 so với quý 3 năm 2015 tăng 34.748.091.549 đồng, tỷ lệ tăng 118.4% do:

1. Sản lượng nước mua si quý 3 năm 2016 tăng so với quý 3 năm 2015 là 3.864.607 m³, tỷ lệ tăng 111.8% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng 20.303.253.919 đồng

- Giá mua si nước sạch tăng 20 đồng/m³, tỷ lệ tăng 100.39% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng 660.974.502 đồng
- Chi phí khấu hao TSCĐ quý 3 năm 2016 tăng so với quý 3 năm 2015 là 1.387.171.109 đồng, tỷ lệ tăng 115.53%
- Chi phí thuê TSCĐ quý 3 năm 2016 tăng so với quý 3 năm 2015 là 1.156.226.833 đồng, tỷ lệ tăng 195.21%
- Ngoài ra các chi phí khác của quý 3 năm 2016 giảm so với quý 3 năm 2015 là:
Chi phí nguyên vật liệu phục vụ công tác sửa bể, đấu nối ống nhánh, chống thất thoát nước quý 3 năm 2016 giảm so với quý 3 năm 2015 873.361.995 đồng, tỷ lệ giảm 52%
Chi phí CTOM quý 3 năm 2016 giảm so với quý 3 năm 2015 là 449.866.626 đồng, tỷ lệ giảm 16.78%
Chi phí khác giảm 246.411.629 đồng, tỷ lệ giảm 52.15%

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	2,150,245,786	1,851,288,968	298,956,818	116.15%
Chi phí công cụ dụng cụ	75,809,650	78,875,576	(3,065,926)	96.11%
Chi phí khấu hao	117,177,648	109,322,451	7,855,197	107.19%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	391,161,441	664,704,521	(273,543,080)	58.85%
Cộng	2,734,394,525	2,704,191,516	30,203,009	101.12%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 3 năm 2016 biến động không nhiều so với quý 3 năm 2015.

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	3,824,251,676	3,241,363,015	582,888,661	117.98%
Chi phí công cụ dụng cụ	228,289,319	127,360,916	100,928,403	179.25%
Chi phí khấu hao	921,354,885	402,206,136	519,148,749	229.08%
Thuế, phí chuyển tiền	20,941,600	13,358,036	7,583,564	156.77%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	1,242,829,618	1,326,692,904	(83,863,286)	93.68%
Cộng	6,237,667,098	5,110,981,007	1,126,686,091	122.04%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 3 năm 2016 tăng so với quý 3 năm 2015 là 1.126.686.091 đồng, tỷ lệ tăng 122.04% do.

- Chi phí nhân công tăng: 582.888.661 đồng, tỷ lệ tăng 117.98% (do doanh thu tăng 113.53%)
- Chi phí công cụ dụng cụ tăng 100.928.403 đồng, tỷ lệ tăng 179.25%
- Chi phí KHTSCĐ tăng 519.148.749 đồng, tỷ lệ tăng 229.08%
- Phí chuyển tiền tăng 7.583.564 đồng, tỷ lệ tăng 156.77%
- Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác quý 3/2016 giảm so với quý 3 năm 2015 là 83.863.286 đồng, tỷ lệ giảm 6%

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		543,099,621	(543,099,621)	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	45,999,371	29,143,976	16,855,395	157.83%
Cộng	45,999,371	572,243,597	(526,244,226)	8.04%

b. Thuyết minh:

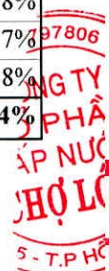
Lãi tiền gửi ngân hàng quý 3 năm 2016 giảm so với quý 3 năm 2015 là 526.244.226 đồng, tỷ lệ giảm 91.96% do quý 3 năm 2016, Công ty không phát sinh lãi tiền gửi có kỳ hạn.

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi vay	254,316,808	325,754,574	(71,437,766)	78.07%
Cộng	254,316,808	325,754,574	(71,437,766)	78.07%

b. Thuyết minh:



Chi phí hoạt động tài chính quý 3 năm 2016 giảm so với quý 3 năm 2015 là 71.437.766 đồng, tỷ lệ giảm 21.92% do quý 3 năm 2016, số dư nợ gốc thấp hơn so với quý 3 năm 2015

VII. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	116,363,648	155,454,561	(39,090,913)	74.85%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	752,053,684	490,293,553	261,760,131	153.39%
Thu tiền thanh lý tài sản	52,272,727	-	52,272,727	
Thu khác	28,891,447	20,202,151	8,689,296	143.01%
Cộng	949,581,506	665,950,265	283,631,241	142.59%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 3/2016 tăng so với quý 3/2015 là 283.631.241 đồng, tỷ lệ tăng 142.59% do khách hàng đầu tư ống cái không hoàn vốn tăng 261.760.131 đồng, tỷ lệ tăng 153.39%.

IX. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí thanh lý	11,375,000	17,135,089	(5,760,089)	
Đăng báo mời thầu	6,300,000		6,300,000	
Chi phí ống cái do KH đầu tư không hoàn vốn	68,712,824	(1,595,797,432)	1,664,510,256	
Cộng	86,387,824	(1,578,662,343)	1,665,050,167	-5.47%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 3/2016 tăng so với quý 3/2015 là 1.665.050.167 đồng do chi phí đầu tư ống cái khách hàng không hoàn vốn tăng 1.664.510.256 đồng

IX. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	11,018,318,646	20,167,596,647	(9,149,278,001)	54.63%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì với tốc độ tăng doanh thu là 113.53% thấp hơn so với tốc độ tăng chi phí là 119.28%, điều này làm cho lợi nhuận trước thuế của quý 3 năm 2016 giảm so với lợi nhuận trước thuế của quý 3 năm 2015 là 9.149.278.001 đồng, tỷ lệ giảm 45.37%.

LẬP BIỂU

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LẠI THỊ THU



Quận 5, ngày 18 tháng 10 năm 2016

GIÁM ĐỐC

TRỌNG HIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2016

NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày ngày 30 tháng 9 năm 2016

MẪU B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/09/2016	01/01/2016
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		91,467,192,913	96,309,233,900
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9,924,495,347	55,240,656,991
1 . Tiền	111		9,924,495,347	5,440,656,991
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	49,800,000,000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	25,800,000,000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25,800,000,000	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25,277,166,557	16,915,027,028
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13,324,678,557	3,266,712,815
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8,434,175,086	11,051,177,249
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5,205,689,428	4,284,513,478
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,687,376,514)	(1,687,376,514)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	22,809,664,264	16,205,554,599
Hàng tồn kho	141		22,809,664,264	16,205,554,599
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		7,655,866,745	7,947,995,282
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2,838,685,308	1,231,533,332
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	4,817,181,437	6,716,461,950
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		349,012,718,904	309,279,089,557
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		4,201,579	112,343,501
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	4,201,579	112,343,501
II . Tài sản cố định	220		241,382,004,465	219,394,000,337
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	241,223,599,871	219,161,799,034
Nguyên giá	222		655,811,337,294	609,244,763,723
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(414,587,737,423)	(390,082,964,689)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.10	158,404,594	232,201,303
Nguyên giá	228		3,613,946,666	3,440,946,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,455,542,072)	(3,208,745,363)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	17,938,503,815	19,245,739,006
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17,938,503,815	19,245,739,006
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	8,330,000	8,330,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,330,000	8,330,000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		89,679,679,045	70,518,676,713
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	89,679,679,045	70,518,676,713
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		440,479,911,817	405,588,323,457

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		235,800,991,325	194,258,365,654
I. Nợ ngắn hạn	310		205,207,110,141	164,552,404,038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	103,607,919,788	56,477,339,535
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4,225,068,542	1,437,322,226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8,377,184,122	10,035,201,600
4. Phải trả người lao động	314		7,045,702,478	12,195,488,475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	58,564,181,106	64,157,915,986
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	19,390,604,934	15,619,696,967
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	623,717,983	2,502,862,548
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3,372,731,188	2,126,576,701
II. Nợ dài hạn	330		30,593,881,184	29,705,961,616
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	22,894,762,100	22,006,842,532
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	7,699,119,084	7,699,119,084
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		204,678,920,492	211,329,957,803
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	204,678,920,492	211,329,957,803
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130,000,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		57,386,667,692	51,992,092,191
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17,292,252,800	29,337,865,612
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến</i>	<i>421a</i>		<i>7,764,953,688</i>	<i>1,730,953,020</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>9,527,299,112</i>	<i>27,606,912,592</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		440,479,911,817	405,588,323,457

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016




LẠI THỊ THU
 Kế toán trưởng


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2016

MÁU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 3		LŨY KẾ ĐẾN QUÝ 3	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	247,959,305,948	218,273,735,444	722,991,886,609	632,468,008,480
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	200,447,654	40,083,550	347,920,427	140,800,091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		247,758,858,294	218,233,651,894	722,643,966,182	632,327,208,389
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	228,423,354,270	192,741,984,355	687,496,995,601	595,965,282,653
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19,335,504,024	25,491,667,539	35,146,970,581	36,361,925,736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	45,999,371	572,243,597	1,089,004,157	2,203,895,557
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	254,316,808	325,754,574	807,402,484	1,028,418,506
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		254,316,808	325,754,574	807,402,484	1,028,418,506
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	2,734,394,525	2,704,191,516	8,376,895,258	7,255,292,632
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6,237,667,098	5,110,981,007	19,422,289,414	15,064,979,576
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,155,124,964	17,922,984,039	7,629,387,582	15,217,130,579
11. Thu nhập khác	31		949,581,506	665,950,265	2,203,378,548	1,421,792,736
12. Chi phí khác	32		86,387,824	(1,578,662,343)	305,467,018	71,764,862
13. Lợi nhuận khác	40	VI.8	863,193,682	2,244,612,608	1,897,911,530	1,350,027,874
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,018,318,646	20,167,596,647	9,527,299,112	16,567,158,453
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	3,530,757,733	-	3,530,757,733
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,018,318,646	16,636,838,914	9,527,299,112	13,036,400,720
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	848	1,280	733	1,003
19. Lợi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	848	1,280	733	1,003



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016

LÊ TRỌNG HIẾU

Giám đốc

LẠI THỊ THU

Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu năm 2016

MẪU B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LŨY KẾ ĐẾN QUÝ 3	
			Năm 2016	Năm 2015
I . Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 . Lợi nhuận trước thuế	01		9,527,299,112	16,567,158,453
2 . Điều chỉnh cho các khoản			-	
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		31,961,104,508	27,675,932,305
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,141,276,884)	(1,780,162,369)
- Chi phí lãi vay	06		807,402,484	1,028,418,506
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</i>				
3 . lưu động	08		41,154,529,220	43,491,346,895
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6,421,022,650)	(16,754,971,497)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6,604,109,665)	(4,641,584,593)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		44,978,483,889	33,829,151,831
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(20,768,154,308)	(34,333,355,229)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(807,402,484)	(1,028,418,506)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,941,932,760)	(7,329,690,765)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		62,000,000	1,914,234,523
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4,594,181,936)	(6,467,463,518)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		44,058,209,306	8,679,249,141
II . Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn				
1 . khác	21		(52,641,873,445)	(20,676,357,772)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn				
2 . hạn khác	22		52,272,727	-
3 . Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25,800,000,000)	8,800,000,000
4 . Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,155,309,713	2,506,217,221
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(77,234,291,005)	(9,370,140,551)
III . Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	
1 . Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,879,144,565)	(2,441,861,987)
2 . Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,260,935,380)	(14,234,949,170)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(12,140,079,945)	(16,676,811,157)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(45,316,161,644)	(17,367,702,567)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		55,240,656,991	40,534,586,598
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70		9,924,495,347	23,166,884,031

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016


LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

MẪU B 09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

• **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3 9552 354

Fax : (84-08) 3 9550 424

Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại

3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);

Xây dựng công trình cấp nước;

Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Lập dự án;

Thẩm tra thiết kế;

Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;

Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;

Đại lý ký gửi hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 451 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 416 người) chưa bao gồm lao động thời vụ.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2016 thuộc kỳ kế toán thứ 10 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản tài sản dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán nước sạch.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Khoản phải thu về lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công nợ được trích lập dự phòng theo hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện toàn bộ chi phí cần thiết liên quan đến việc đầu tư, xây dựng, cải tạo ống mục, phát triển mạng lưới phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty chưa hoàn hành tại thời điểm lập Báo cáo.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn mới và thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty lũy kế đến thời điểm lập Báo cáo.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	12.569.406	9.821.995
Tiền gửi ngân hàng	9.911.925.941	5.430.834.996
Các khoản tương đương tiền	-	49.800.000.000
Cộng	<u>9.924.495.347</u>	<u>55.240.656.991</u>

2. Đầu tư đáo hạn đến ngày năm giữ

Tiền gửi có kỳ hạn (*)	25.800.000.000	-
Cộng	<u>25.800.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng SCB với lãi suất trung bình là 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lãi suất từ 5,5% đến 6,2%/năm).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/09/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	13.324.678.557	1.364.979.335	3.266.712.815	1.364.979.335
Cộng	<u>13.324.678.557</u>	<u>1.364.979.335</u>	<u>3.266.712.815</u>	<u>1.364.979.335</u>

Trong đó phải thu ngắn hạn khách hàng là bên liên quan:

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	665.571.325	4.824.731
Cộng	<u>665.571.325</u>	<u>4.824.731</u>

4. Trả trước người bán ngắn hạn

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	530.176.060	530.176.060
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	42.842.836	42.842.836
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.614.682.386	1.614.682.386
Công ty TNHH XDBCN & Đường Ông Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	-	491.261.854
Công ty QL CTGT Sài Gòn	2.374.143.674	146.817.731
Công ty CP Xây dựng số 5	-	2.674.701.596
Công ty TNHH TMXD KT Cơ Điện Toàn Cầu	-	2.040.421.722
Công ty TNHH DV TM TK Thành Mỹ	-	322.088.250

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV TMDV & KT Ánh Sáng Việt	-	1.255.928.710
Nhà cung cấp khác	3.061.508.310	1.121.434.284
Cộng	8.434.175.086	11.051.177.249

Trong đó trả trước người bán ngắn hạn là bên liên quan:

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	530.176.060	530.176.060
Cộng	530.176.060	530.176.060

5. Phải thu khác

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	5.205.689.428	322.397.179	4.284.513.478	322.397.179
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.961.266.386	-	2.907.196.636	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	1,232,918,933	-	937.765.459	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	66.305.556	-
Phải thu khác	930,754,025	322.397.179	345.221.745	322.397.179
Tạm ứng	80.750.082	-	28.024.082	-
b) Phải thu dài hạn khác	4.201.579	-	112.343.501	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.201.579	-	112.343.501	-
Cộng	5.209.891.007	322.397.179	4.396.856.979	322.397.179

Trong đó phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan:

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.961.266.386	2.907.196.636
Cộng	2.961.266.386	2.907.196.636

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/09/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.735.661.841	1.370.682.506	1.364.979.335	2.735.661.841	1.370.682.506	1.364.979.335
Phải thu ngắn hạn khác	322.397.179	-	322.397.179	322.397.179	-	322.397.179
Cộng	3.058.059.020	1.370.682.506	1.687.376.514	3.058.059.020	1.370.682.506	1.687.376.514

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Nguyên vật liệu	22.772.258.964	12.100.016.476
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.405.300	4.105.538.123
Cộng	<u>22.809.664.264</u>	<u>16.205.554.599</u>

8. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.838.685.308	1.231.533.332
Chi phí công cụ dụng cụ	2.116.885.308	486.333.332
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	721.800.000	745.200.000
b) Chi phí trả trước dài hạn	89.679.679.045	70.518.676.713
Chi phí sửa chữa văn phòng, kho	599.303.184	691.903.531
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước		122.667.030
Gắn đồng hồ nước theo Nghị Định 117	82.014.589.310	55.956.976.215
Công trình cải tạo ống mục	6.480.176.704	9.759.654.597
Thay đồng hồ nước	585.609.847	3.987.475.340
Cộng	<u>92.518.364.353</u>	<u>71.750.210.045</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Tại ngày 01/01/2016	238.574.000	1.591.052.486	593.371.660.418	14.043.476.819	609.244.763.723
2. Tăng trong kỳ	29.000.000.000	-	22.517.503.250	2.287.912.390	53.805.415.640
3. Giảm trong kỳ	238.574.000	619.970.000	6.380.298.069	-	7.238.842.069
4. Tại ngày 30/09/2016	29.000.000.000	971.082.486	609.508.865.599	16.331.389.209	655.811.337.294
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Tại ngày 01/01/2016	238.574.000	1.474.523.035	380.467.583.744	7.902.283.910	390.082.964.689
2. Tăng trong kỳ	435.000.000	40.009.276	29.368.747.023	1.870.551.500	31.714.307.799
3. Giảm trong kỳ	238.574.000	619.970.000	6.350.991.065	-	7.209.535.065
4. Tại ngày 30/09/2016	435.000.000	894.562.311	403.485.339.702	9.772.835.410	414.587.737.423
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2016	-	116.529.451	212.904.076.674	6.141.192.909	219.161.799.034
2. Tại ngày 30/09/2016	28.565.000.000	76.520.175	206.023.525.897	6.558.553.799	241.223.599.871

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Tại ngày 01/01/2016	3.440.946.666	3.440.946.666
2. Tăng trong kỳ	173.000.000	173.000.000
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/09/2016	3.613.946.666	3.613.946.666
II. Hao mòn lũy kế		
1. Tại ngày 01/01/2016	3.208.745.363	3.208.745.363
2. Tăng trong kỳ	246.796.709	246.796.709
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/09/2016	3.455.542.072	3.455.542.072
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày 01/01/2016	232.201.303	232.201.303
2. Tại ngày 30/09/2016	158.404.594	158.404.594

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2016	01/01/2016
Sửa chữa di dời nhà làm việc	1.408.851.275	7.833.443.562
Công trình di dời đường ống	3.471.893.138	3.947.673.882
Công trình chống thất thoát nước	3.174.355.849	308.420.207
Công trình cải tạo ống mục	(83.733.328)	2.863.212.681
Công trình đầu tư ống cái	1.828.511.393	1.420.449.071
Công trình phát triển mạng lưới	7.474.622.453	2.872.539.603
Cộng	17.938.503.815	19.245.739.006

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	88.796.589.032	55.138.494.438
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	38.392.980	238.751.944
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	74.106.992	251.612.154
Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5	2.909.598.399	-
Công ty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	632.565.436	-
Công ty TNHH MTV TMDV&KT Ánh Sáng Việt	627.964.355	-
Công ty TNHH XD TM KT Cơ Điện Toàn Cầu	722.537.946	-
Công ty TNHH Cơ Điện Hawaco	4.167.954.560	-
Công ty CP Đầu tư Minh Hòa	1.537.800.000	-
Nhà cung cấp khác	4.100.410.088	848.480.999
Cộng	103.607.919.788	56.477.339.535

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong đó phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan:

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	88.796.589.032	55.138.494.438
Cộng	<u>88.796.589.032</u>	<u>55.138.494.438</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Truy thu tiền thất thoát nước	117.912.901	298.145.395
Thu tiền nước khách hàng	3.076.186.853	
Tạm thu chi phí thiết kế ống cống	125.372.270	106.872.270
Ban Quản Lý Dự Án Cải tạo Kênh Ba Bò	610.065.610	610.065.610
Các khách hàng khác	245.531.069	372.239.112
Cộng	<u>4.225.068.542</u>	<u>1.437.322.226</u>

Trong đó người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan:

Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Cộng	<u>49.999.839</u>	<u>49.999.839</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	<u>01/01/2016</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>30/09/2016</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	37.050.370.215	37.050.370.215	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.941.932.760	0	2.941.932.760	0
Thuế thu nhập cá nhân	185.284.438	1.188.880.166	1.362.367.914	11.796.690
Các loại thuế khác		3.720.000	3.720.000	0
- Thuế bảo vệ môi trường	6.907.984.402	77.222.808.998	75.765.405.968	8.365.387.432
Cộng	<u>10.035.201.600</u>	<u>118.407.712.139</u>	<u>114.181.864.097</u>	<u>8.377.184.122</u>

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
 - + Cung cấp nước : 5 %
 - + Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác : 10%

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8.

• Các khoản thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	28.240.726.161	35.383.747.148
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	30.323.454.945	27.131.148.697
Trích trước chi phí TLMD	-	1.508.738.651
Thù lao Hội đồng quản trị	-	108.000.000
Chi phí khác	-	26.281.490
Cộng	<u>58.564.181.106</u>	<u>64.157.915.986</u>

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	19.390.604.934	15.619.696.967
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	8.564.936.897	11.695.848.413
Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông Công Chánh	110.000.000	68.000.000
Kinh phí công đoàn. các khoản bảo hiểm phải nộp	51.039.859	6.884.766
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.644.184.758	2.871.100.397
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	333.411.556	5.394.988
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.094.156.576	955.091.956
Các khoản phải trả khác	5.592.875.289	17.376.447
b) Phải trả dài hạn khác	22.894.762.100	22.006.842.532
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước (*)	22.894.762.100	22.006.842.532
Cộng	<u>42.285.367.034</u>	<u>37.626.539.499</u>

(*) Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm.

Trong đó phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan:

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	8.564.936.897	11.695.848.413
Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông Công Chánh	110.000.000	68.000.000
Cộng	<u>8.674.936.897</u>	<u>11.763.848.413</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ tài chính

	01/01/2016	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	30/09/2016
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.502.862.548	-	1.879.144.565	623.717.983
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.502.862.548	-	1.879.144.565	623.717.983
+ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i)	2.502.862.548	-	1.879.144.565	623.717.983
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.699.119.084	-	-	7.699.119.084
+ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i)	7.699.119.084	-	-	7.699.119.084
Cộng	10.201.981.632	-	1.879.144.565	8.322.837.067

(i) Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo các hợp đồng sau

- [1] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay : 1.666.800.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn. trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 46.300.000 VND
+ Lãi vay : 8.4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
- [2] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay : 5.688.000.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn. trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 158.000.000 VND
+ Lãi vay : 8.4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
- [3] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT – KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009
+ Hạn mức vay : 705.845.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn. trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 19.606.805 VND. kỳ 36 trả 19.606.825 VND
+ Lãi vay : 8.4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- [4] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010
+ Hạn mức vay : 108.942.413 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn. trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 3.026.178 VND. kỳ 36 trả 3.026.183 VND
+ Lãi vay : 8.4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
[5] - Hợp đồng vay	: Số 3703/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay	: 2.555.536.000 VND
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 70.987.000 VND; Kỳ 36 là 70.991.000 VND)
+ Lãi vay	: 11.4%/ năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
[6] - Hợp đồng vay	: Số 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay	: 5.239.758.000 VND
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ)
+ Lãi vay	: 11.4%/ năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
[7] - Hợp đồng vay	: Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay	: 8.155.804.000 VND
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 226.550.000 VND; Kỳ 36 là 226.554.000 VND)
+ Lãi vay	: 11.4%/ năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/09/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Trong vòng 1 năm	2.357.169.755	2.502.862.548
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	5.319.760.381	6.406.633.426
Sau 5 năm	645.906.931	1.292.485.658
Cộng	8.322.837.067	10.201.981.632
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(623.717.983)</u>	<u>(2.502.862.548)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>7.699.119.084</u>	<u>7.699.119.084</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2016	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong kỳ	Tăng khác	30/09/2016
Quỹ khen thưởng	1.453.477.511	2.549.870.877	1.721.370.000	62.000.000	2.343.978.388
Quỹ phúc lợi	673.099.190	2.549.870.877	2.194.217.267	-	1.028.752.800
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-	678.594.669	678.594.669	-	-
Cộng	2.126.576.701	5.778.336.423	4.594.181.936	62.000.000	3.372.731.188

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2015	130.000.000.000	46.441.673.683	27.058.751.483	203.500.425.166
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	27.606.912.592	27.606.912.592
Trích lập quỹ ĐTP và DPTC	-	5.550.418.508	(5.550.418.508)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.477.379.955)	(5.477.379.955)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(14.300.000.000)	(14.300.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	130.000.000.000	51.992.092.191	29.337.865.612	211.329.957.803
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	9.527.299.112	9.527.299.112
Trích lập quỹ ĐTP và DPTC	-	5.394.575.501	(5.394.575.501)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
Tại ngày 30/09/2016	130.000.000.000	57.386.667.692	17.292.252.800	204.678.920.492

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016. vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2		30/09/2016	01/01/2016
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2.31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	2.766.520.000	2.13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2.31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51.00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	41.92	54.924.480.000	54.924.480.000
Cộng	130.000.000.000	100.00	130.000.000.000	130.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

Cổ phiếu

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ. Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2016 như sau:

	<u>9 tháng đầu 2016</u>	<u>9 tháng đầu 2015</u>
Quỹ đầu tư phát triển	5.394.575.501	5.550.418.508
Quỹ khen thưởng	2.549.870.877	2.434.391.091
Quỹ phúc lợi	2.549.870.877	2.434.391.091
Quỹ ban điều hành	678.594.669	608.597.773
Chia cổ tức	10.400.000.000	14.300.000.000
Cộng	<u>21.572.911.924</u>	<u>25.327.798.463</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	<u>9 tháng đầu năm 2016</u>	<u>9 tháng đầu năm 2015</u>
Doanh thu thuần cung cấp nước	709.029.496.685	619.519.438.280
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	13.614.469.497	12.807.770.109
Cộng	<u>722.643.966.182</u>	<u>632.327.208.389</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	677.797.819.660	589.562.425.829
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.699.175.941	6.402.856.824
Cộng	<u>687.496.995.601</u>	<u>595.965.282.653</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết giá vốn theo yếu tố :	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
<u>Giá vốn theo yếu tố kinh doanh nước sạch</u>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	565.509.022.848	476.458.016.330
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	2.429.638.494	3.631.447.129
Chi phí nhân công	44.804.798.030	40.723.170.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.016.982.887	26.109.099.485
Chi phí thuê tài sản hoạt động	7.111.957.203	3.643.276.705
Chi phí gấn và thay đồng hồ nước	21.690.315.410	30.637.308.194
Chi phí chống thất thoát nước	1.170.072.837	1.295.397.486
Chi phí cải tạo ống mục	4.223.474.488	3.239.467.922
Chi phí sửa bể	789.266.051	634.594.709
Chi phí khác	1.052.291.412	1.058.054.039
Tổng chi phí sản xuất	677.797.819.660	587.429.832.274
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	-	2.132.593.555
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	-	-
Giá vốn cung cấp nước	677.797.819.660	589.562.425.829
<u>Giá vốn cung cấp dịch vụ</u>		
Chi phí nguyên vật liệu	7.839.932.686	5.116.087.328
Chi phí khác _ nhân công tái lập mặt đường -Thuê ngoài	1.743.425.648	1.286.769.496
Tổng chi phí sản xuất	9.583.358.334	6.402.856.824
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	153.222.905	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	-37.405.299	-
Giá vốn dịch vụ	9.699.175.941	6.402.856.824
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	947.568.444	2.113.942.768
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	141.435.713	89.670.489
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	282.300
Cộng	1.089.004.157	2.203.895.557
4. Chi phí tài chính		
Lãi vay	807.402.484	1.028.418.506
Cộng	807.402.484	1.028.418.506
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	6.523.971.661	5.608.485.170
Chi phí công cụ, dụng cụ	396.059.568	133.952.122
Chi phí khấu hao	375.646.022	309.202.737
Chi phí bằng tiền khác	1.081.218.007	1.203.652.603
Cộng	8.376.895.258	7.255.292.632

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân viên	10.851.589.172	9.711.636.495
Chi phí vật liệu quản lý	64.752.036	63.588.173
Chi phí đồ dùng văn phòng	959.680.049	274.496.522
Chi phí khấu hao	2.691.142.628	970.382.296
Thuế, phí và lệ phí	62.086.625	49.642.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.793.038.904	3.995.233.821
Cộng	19.422.289.414	15.064.979.576

7. Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động khác

Thu nhập khác	2.203.378.548	1.421.792.736
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	52.272.727	-
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	158.181.834	185.454.564
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	1.930.187.405	986.691.713
Thu nhập khác	62.736.582	249.646.459
Chi phí khác	305.467.018	71.764.862
Phạt nộp chậm, truy thu thuế	199.594	536.360.928
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.375.000	423.733.188
Chi phí đăng báo mời thầu	6.300.000	18.840.689
Chi phí ống cái không hoàn lại	277.439.515	(1.237.864.388)
Chi phí khác	10.152.909	5.184.240
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	1.897.911.530	1.350.027.874

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lãi kế toán trước thuế	9.527.299.112	16.567.158.453
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	3.667.929.780	7.636.740.243
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	5.859.369.332	8.930.418.210
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	42%	75%
Thu nhập tính thuế	9.527.299.112	16.567.158.453
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	1.524.672.853	5.700.856.313
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	2.143.256.927	1.936.125.430
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	5.859.369.332	8.930.418.210
Thuế suất áp dụng	0	
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	5%	5%
- Đối với hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.676.758.894	3.530.757.733

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau : Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Đối với hoạt động khác. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9 tháng đầu năm 2016 thuộc năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu 2016	9 tháng đầu 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.527.299.122	16.567.158.453
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.527.299.122	16.567.158.453
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	733	1.003

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	575.778.594.028	521.705.028.418
Chi phí nhân công	62.180.358.863	56.043.291.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.083.771.537	27.388.684.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.137.638.238	11.015.956.430
Cộng	715.180.362.666	616.152.961.307

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
Cổ tức chưa thanh toán	1.094.156.576	969.193.808
Lãi tiền gửi còn dự thu	-	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	66.305.556	286.649.442

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty Cổ Phần Công trình giao Thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	565.509.022.848	478.590.609.885
Mua vật tư	18.661.565.896	32.973.312.840
Thuê tài sản hoạt động	7.111.957.203	3.643.276.705
Lãi vay phải trả	807.402.484	1.028.418.506
Phải thu do chi hộ	105.737.960	152.951.440
Phải thu do cung cấp dịch vụ	2.411.016.610	-

Công ty Cổ Phần Công trình giao Thông Công Chánh

Ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng

80.000.000

Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình

53.745.460

73.006.660

Tại ngày 30/09/2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 01/01/2016
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	665.571.325	4.824.731
Phải thu các khoản chi hộ	2.961.266.386	2.907.196.636
Phải trả thương mại	(88.796.589.032)	(55.138.494.438)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB.	(8.564.936.897)	(11.695.848.413)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 01/01/2016
Phải trả tiền vay	(8.322.837.067)	(10.201.981.632)
Công ty Cổ Phần Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(110.000.000)	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	(49.999.839)	(49.999.839)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát. tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	530.176.060	530.176.060

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
Tiền lương	1.154.076.320	1.170.479.206
Các khoản bảo hiểm phải trả	40.546.026	19.889.946
Cộng	1.194.622.346	888.364.312

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.924.495.347	9.924.495.347	55.240.656.991	55.240.656.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.808.330.000	25.808.330.000	8.330.000	8.330.000
Phải thu của khách hàng	11.959.699.222	11.959.699.222	1.901.733.480	1.901.733.480
Phải thu khác	2.965.467.965	2.965.467.965	2.763.448.514	6.763.448.514
Cộng	50.657.992.534	50.657.992.534	59.914.168.985	59.914.168.985
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	103.607.919.788	103.607.919.788	56.477.339.535	56.477.339.535
Chi phí phải trả	58.564.181.106	58.564.181.106	64.157.915.986	64.157.915.986
Phải trả khác	41.804.915.619	41.804.915.619	37.614.259.745	37.614.259.745
Các khoản vay	8.322.837.067	8.322.837.067	10.201.981.632	10.201.981.632
Cộng	212.299.853.580	212.299.853.580	168.451.496.898	168.451.496.898

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau. rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty không nhiều và được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.924.495.347	-	-	9.924.495.347
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.800.000.000	8.330.000	-	25.808.330.000
Phải thu của khách hàng	11.959.699.222	-	-	11.959.699.222
Phải thu khác	2.961.266.386	4.201.579	-	2.965.467.965
Cộng	50.645.460.955	12.531.579	-	50.657.992.534
Phải trả cho người bán	103.607.919.788	-	-	103.607.919.788
Chi phí phải trả	58.564.181.106	-	-	58.564.181.106
Phải trả khác	18.910.153.519	22.894.762.100	-	41.804.915.619
Các khoản vay	2.357.169.755	5.319.760.381	645.906.931	8.322.837.067
Cộng	183.439.424.168	28.214.522.481	645.906.931	212.299.853.580

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chênh lệch thanh khoản thuần	(132.793.963.213)	(28.201.990.902)	(645.906.931)	(161.641.861.046)
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.240.656.991	-	-	55.240.656.991
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	1.901.733.480	-	-	1.901.733.480
Phải thu khác	2.651.105.013	112.343.501	-	2.763.448.514
Cộng	59.793.495.484	120.673.501	-	59.914.168.985
Phải trả cho người bán	56.477.339.535	-	-	56.477.339.535
Chi phí phải trả	64.157.915.986	-	-	64.157.915.986
Phải trả khác	15.607.417.213	22.006.842.532	-	37.614.259.745
Các khoản vay	2.502.862.548	6.406.633.426	1.292.485.658	10.201.981.632
Cộng	138.745.535.282	28.413.475.958	1.292.485.658	168.451.496.898

Chênh lệch thanh khoản thuần

(78.952.039.798) (28.292.802.457) (1.292.485.658) (108.537.327.913)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày __ tháng __ năm 2016



LÊ TRỌNG HIỆU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu